

Đông Triều, ngày 02 tháng 04 năm 2021

Số: 65/2021/QĐST - HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLST - HNGĐ ngày 18/3/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1991.

Cư trú: Tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, Q.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn Q**, sinh năm 1990.

Cư trú: Tổ 4, khu V, phường M, thị xã Đ, Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Điểm a, khoản 5; Điểm a, b khoản 6 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị N** với anh **Phạm Văn Q**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N với anh Phạm Văn Q, có một con chung tên Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/10/2010

Giao con chung tên Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/10/2010, cho anh Phạm Văn Q, trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, kể từ tháng 4 năm 2021, cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi), hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

2. 2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, với số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng)/1 tháng, kể từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi hai con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai cản trở người đó thực hiện quyền này.

Việc nuôi con chung và đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung không cố định

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” sơ thẩm anh Phạm Văn Q phải chịu 150.000đ (một trăm, năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con chung anh Phạm Văn Q phải chịu 150.000đ (một trăm, năm mươi nghìn đồng), (anh Q nhận nộp 75.000đ án phí ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung thay cho chị N), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000524 ngày 18/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Anh Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TX Đông Triều;
- Chi cục Thi hành án Đông Triều;
- UBND phường M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Bắc

